

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - AN GIANG

Bản án số: 29/2025/DS-ST

Ngày 07 tháng 8 năm 2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa - Bà Hồ Thị Kim Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Tạ Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 242/2025/TLST-DS, ngày 01 tháng 4 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 391/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hương L, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Số C, khóm T, phường N, thị xã T (nay là phường T), tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: 2.1. Bà Trần Thị Ngọc V, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Số B, khóm T, phường M, thành phố L (nay là phường M), tỉnh An Giang. Vắng mặt.

2.2. Ông Trần Quốc H, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Số A, tổ H, khóm T, phường N, thị xã T (nay là phường T), tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hương L trình bày:

Qua quen biết nên ngày 30/11/2024 bà cho bà Trần Thị Ngọc V vay 400.000.000 đồng, mục đích vay làm giấy tờ, không thỏa thuận lãi suất, kỳ hạn vay 01 tháng kể từ ngày ký biên nhận nợ là ngày 30/11/2024, việc bà V vay nợ có sự bảo lãnh của ông Trần Quốc H (là con bà V). Khoảng 20 ngày sau, ông H mượn thêm 02 lần tổng là 50.000.000 đồng (lần 10.000.000 đồng và lần 40.000.000 đồng), không thỏa thuận lãi

suất và kỳ hạn vay. Tổng số tiền bà V và ông H vay của bà là 450.000.000 đồng. Đến kỳ hạn thanh toán, bà V và ông H không trả nợ như thỏa thuận. Bà nhiều lần yêu cầu bà V và ông H thanh toán nợ, nhưng ông bà vẫn không thực hiện.

Do bà V và ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên bà khởi kiện yêu cầu bà V và ông H có trách nhiệm liên đới trả cho bà 400.000.000 đồng và cá nhân ông H trả 50.000.000 đồng, cả hai khoản nợ của bà V và ông H, bà không yêu cầu tính lãi.

Bà đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bà Trần Thị Thúy T cho bà Trần Thị Ngọc V do Văn phòng Đ chi nhánh L1 xác nhận nội dung thay đổi ngày 20/6/2022, (kèm trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tờ bản đồ: 24; số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00056 và bản Trích lục hồ sơ địa chính, ngày 20/6/2022 tên chủ sử dụng đất Trần Thị Ngọc V), do bà V đưa bà giữ làm tin khi mượn tiền. Bà đồng ý trả lại bà V bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này khi bà V, ông H trả hết cho bà khoản nợ 450.000.000 đồng.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản chính giấy mượn tiền do bà Trần Thị Ngọc V xác lập với sự bảo lãnh của ông Trần Quốc H ngày 30/11/2024; bản chính 02 giấy mượn tiền 10.000.000 đồng và 40.000.000 đồng do ông Trần Quốc H xác lập (đều không ghi ngày tháng năm).

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Ngọc V và ông Trần Quốc H mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương L. Tại phiên tòa được mở lần thứ hai hôm nay, bà V và ông H tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý giải quyết. Thủ tục tố tụng đạt, niêm yết đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hương L.

Buộc bà Trần Thị Ngọc V và ông Trần Quốc H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hương L số tiền 400.000.000 đồng.

Buộc ông Trần Quốc H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hương L số tiền 50.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hương L có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị Thúy T cho bà Trần Thị Ngọc V.

Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà L khởi kiện bà V và ông H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà V cư ngụ tại phường M, thành phố L (nay là phường M), tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bà V và ông H vắng mặt không có lý do, bà L không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà V và ông H.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Bà Nguyễn Thị Hương L khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Ngọc V và ông Trần Quốc H có trách nhiệm liên đới trả cho bà 400.000.000 đồng và cá nhân ông Trần Quốc H trả 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà L là bản chính giấy mượn tiền ngày 30/11/2024 do bà Trần Thị Ngọc V xác lập với sự bảo lãnh của ông Trần Quốc H đối với số tiền 400.000.000 đồng; bản chính 02 giấy mượn tiền 10.000.000 đồng và 40.000.000 đồng do ông Trần Quốc H xác lập (không ghi ngày tháng năm).

Bà đồng ý trả lại cho bà V bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 339666, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00056 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho bà Trần Thị T1 (kèm trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tờ bản đồ: 24; số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00056 và bản Trích lục hồ sơ địa chính, ngày 20/6/2022 tên chủ sử dụng đất Trần Thị Ngọc V) do Văn phòng Đ chi nhánh L1 xác nhận ngày 20/6/2022 nội dung thay đổi: Tặng cho bà Trần Thị Ngọc V, sinh năm 1952.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện và tài liệu chứng cứ do bà L cung cấp là bản chính giấy mượn tiền ngày 30/11/2024 do bà Trần Thị Ngọc V xác lập có sự bảo lãnh của ông Trần Quốc H, có nội dung bà Trần Thị Ngọc V mượn của bà Nguyễn Thị Hương L 400.000.000 đồng; và bản chính 02 giấy mượn tiền do ông Trần Quốc H xác lập có

nội dung mượn tiền của bà L 10.000.000 đồng và 40.000.000 đồng (02 giấy mượn tiền không ghi ngày tháng năm).

[3]. Theo phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án tại Công an phường M, thành phố L ngày 01/4/2025, thể hiện: Trần Thị Ngọc V, sinh năm 1952 có đăng ký thường trú tại số B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; theo phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án tại Công an phường N, thị xã T ngày 03/6/2025, thể hiện: Ông Trần Quốc H, sinh năm 1982 hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tổ H, khóm T, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang, từ đầu năm 2025 đến nay không thường sinh sống không trình báo, không rõ đi đâu, làm gì.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án bà V và ông H được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải; không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V và ông H là bị đơn trong vụ án này. Do bị đơn vắng mặt Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn biết nhưng ông bà vẫn không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà L. Phiên tòa được mở xét xử lần thứ hai, bà V và ông H tiếp tục vắng mặt không có lý do là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của bị đơn quy định tại khoản 5 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Qua lời trình bày của nguyên đơn, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy bà V và ông H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành thủ tục tố tụng, không có văn bản trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, không cung cấp tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của bà L. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Xét giao dịch dân sự giữa bà L với bà V, ông H xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung, hình thức giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 nên phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Do bà V và ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử căn cứ các giấy mượn tiền do bà V và ông H xác lập nêu trên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đối với bà V và ông H.

Mặc dù bà V, ông H không có bất kỳ ý kiến gì đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bà Trần Thị Thúy T cho bà Trần Thị Ngọc V, do bà V giao cho bà L giữ làm tin khi nhận tiền. Nhưng bà L thừa nhận có giữ và đồng ý trả lại bà V, nên Hội đồng xét xử

chấp nhận lời trình bày này của bà L buộc bà L có nghĩa vụ trả cho bà V bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 339666, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00056 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho bà Trần Thị T1 (kèm trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tờ bản đồ: 24; số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00056; bản Trích lục hồ sơ địa chính ngày 20/6/2022 tên chủ sử dụng đất Trần Thị Ngọc V) do Văn phòng Đ chi nhánh L1 xác nhận ngày 20/6/2022 nội dung thay đổi: Tặng cho bà Trần Thị Ngọc V, sinh năm 1952.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà V và ông H có nghĩa vụ liên đới chịu 20.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bà V và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L 400.000.000 đồng; ông H có nghĩa vụ chịu 2.500.000 đồng trên số tiền ông H phải trả cho bà L 50.000.000 đồng.

Yêu cầu khởi kiện của bà L được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bà L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 357, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hương L đối với bà Trần Thị Ngọc V và ông Trần Quốc H.

Buộc bà Trần Thị Ngọc V và ông Trần Quốc H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hương L 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Buộc ông Trần Quốc H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hương L 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Hương L có trách nhiệm trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 339666, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00056 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho bà Trần Thị T1 (kèm trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tờ bản đồ: 24; số vào sổ

cấp giấy chứng nhận: CH00056; bản Trích lục hồ sơ địa chính ngày 20/6/2022 tên chủ sử dụng đất Trần Thị Ngọc V) do Văn phòng Đ chi nhánh L1 xác nhận ngày 20/6/2022 nội dung thay đổi: Tặng cho bà Trần Thị Ngọc V, sinh năm 1952.

Về án phí:

Bà Trần Thị Ngọc V và ông Trần Quốc H có nghĩa vụ liên đới chịu 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Quốc H có nghĩa vụ chịu 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Hương L được nhận lại 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002577, ngày 28/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 9 - An Giang;
- Phòng Thi hành án dân sự - Khu vực 9;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa